

ĐẶC TÍNH “MỞ” TRONG TÍN NGƯỠNG BIỂN Ở NAM BỘ

Tóm tắt: Trong hơn 300 năm lịch sử phát triển của vùng đất Nam Bộ, có nhiều loại hình tín ngưỡng biển đã theo các cộng đồng cư dân dịch chuyển từ Nam Trung Bộ, trải qua quá trình giao lưu, tiếp biến với văn hóa tín ngưỡng của các tộc người lân cận, dần hình thành nên đặc trưng văn hóa của vùng đất Nam Bộ. Qua việc nghiên cứu các loại hình tín ngưỡng biển có nguồn gốc từ Nam Trung Bộ, bài viết tập trung làm rõ đặc tính “mở” trong văn hóa tín ngưỡng Nam Bộ, thể hiện trên ba phương diện: giao lưu tín ngưỡng biển giữa Nam Trung Bộ và Nam Bộ, giao lưu tín ngưỡng biển trong văn hóa tộc người ở Nam Bộ, sự hòa quyện giữa tín ngưỡng biển và tôn giáo ở Nam Bộ.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng biển, đặc tính mở, tiếp biến văn hóa, Nam Bộ

Mở đầu

Cư dân ven biển Nam Bộ chủ yếu là người Việt, người Khmer và người Hoa. Người Việt tiếp thu nghề biển từ Nam Trung Bộ mang vào (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). Người Khmer có một số nhỏ ở các xã ven biển thuộc huyện Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Bạc Liêu, Kiên Giang. Người Hoa Triều Châu, Quảng Đông cư ngụ ở các vùng ven biển Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Người Hoa Hải Nam có mặt ở các xã Bình An, Bình Trị (huyện Kiên Lương), xã Hàm Ninh (huyện Phú Quốc, Kiên Giang). Những cộng đồng người Hoa này mang theo nghề câu kiều, đáy song cầu... từ miền Nam Trung Quốc sang [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 56-57]. Ngày nay, nhiều cộng đồng ngư dân phát triển đánh bắt xa bờ, tiêu biểu như các cộng đồng ở xã Phước Tỉnh (huyện Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu), thị

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 9/3/2024; Ngày biên tập: 21/3/2024; Duyệt đăng: 25/8/2024.

trấn Cần Thạnh (huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh), thị trấn Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang), xã Bình Thắng (huyện Bình Đại, Bến Tre), xã An Thủy (huyện Ba Tri, Bến Tre), thị trấn Định An (huyện Trà Cú, Trà Vinh), thị trấn Trần Đề (huyện Trần Đề, Sóc Trăng), thị trấn Gành Hào (huyện Đông Hải, Bạc Liêu), thị trấn Sông Đốc (huyện Trần Văn Thời, Cà Mau), thị trấn Cái Đoi Vàm (huyện Phú Tân, Cà Mau), thành phố Rạch Giá (Kiên Giang),... [Dương Hoàng Lộc, 2018: 40]¹.

Các cộng đồng cư dân ven biển Nam Bộ đã tạo ra những phương thức mưu sinh riêng biệt trên nền tảng văn hóa khu vực. Một trong những đặc điểm quan trọng của văn hóa Nam Bộ là dễ tiếp nhận và dung hợp cái mới. Thông qua sự giao lưu với nhiều luồng văn hóa, cư dân Nam Bộ đã tiếp nhận, biến cải để sáng tạo ra những giá trị văn hóa đặc trưng. Do đó, Nam Bộ hội tụ trong mình nhiều dòng văn hóa, không chỉ của người Việt ở Trung Bộ, mà còn tiếp thu một cách gián tiếp từ văn hóa Chăm, văn hóa Hoa qua những chuyển động của lịch sử. Sự tích hợp, đan xen, pha trộn những lớp tín ngưỡng như thế làm nên sự phong phú trong đời sống tâm linh của cộng đồng nơi đây.

Đề cập đến độ “mở” trong tín ngưỡng biển ở Nam Bộ đã có một số nghiên cứu của các tác giả, dù không đặt vấn đề trực tiếp nhưng ít nhiều cho thấy sự tiếp xúc, tiếp biến, tính linh hoạt trong thực hành tín ngưỡng biển ở nơi đây qua các nghiên cứu của Trần Hồng Liên (cb), 2004), Đinh Văn Hạnh và Phan An (2004), Phan Thị Yến Tuyết (2014), Nguyễn Thanh Lợi (2015), Trương Thu Trang (2017), Dương Hoàng Lộc (2018),...

Thông qua việc khảo sát các tư liệu nghiên cứu trên đây và quá trình nghiên cứu thực địa, bài viết cung cấp một góc nhìn về sự đa dạng, phong phú của đời sống văn hóa và tín ngưỡng dân gian vùng biển Nam Bộ, trong đó, tập trung vào quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa tín ngưỡng giữa các tộc người và đặc tính “mở” của tín ngưỡng biển. Quá trình này được thể hiện trên ba phương diện: giao lưu tín ngưỡng giữa Nam Trung Bộ và Nam Bộ, giao lưu tín ngưỡng trong văn hóa tộc người, sự hòa quyện giữa tín ngưỡng và tôn giáo.

1. Đặc tính mở trong giao lưu tín ngưỡng biển giữa Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Các ngôi đình, miếu ở Nam Bộ đều có thờ một vị thần phù hộ người đi biển, thường là những vị thần đầu tiên của ngôi đình/miếu đó, nên còn mang sắc thái miền Trung, hay ít hơn là dấu ấn miền Bắc, hoặc pha tạp với văn hóa các dân tộc anh em [Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường, 1993: 36]. Trong các cơ sở tín ngưỡng này có thờ Thiên Y Ana, Bạch Mã Thái Giám, Đại Càn, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thủy Long thần nữ, Cô hồn biển, Quan Âm Nam Hải...

1.1. Thờ cá Ông

Tục thờ cá voi/ cá Ông là một tín ngưỡng dân gian khá phổ biến của cư dân ven biển nước ta, từ Thanh Hóa vào đến Kiên Giang. Dọc theo bờ biển, ở các cửa sông, bên cạnh các làng chài đều có các lăng miếu thờ cá Ông với những nghi thức cúng tế rất trang trọng. Đây vốn là tín ngưỡng của người Chăm, mà những lưu dân người Việt đã tiếp thu được qua quá trình giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc [Nguyễn Thanh Lợi, 2001: 99].

Tác giả Sơn Nam đã chỉ ra nguồn gốc của nhiều tập tục ở miền Trung được du nhập vào Nam Bộ: “*Tục thờ cá Ông, tục thờ bà Câu² phổ biến ở nghề chài lưới ở Bình Định, Phú Yên cũng được đưa vào đất Đồng Nai³*” [Sơn Nam, 1985: 22].

Về số lượng lăng, miếu thờ cá Ông, Bà Rịa-Vũng Tàu là tỉnh đứng đầu ở Đông Nam Bộ với 11 lăng; Thành phố Hồ Chí Minh có sáu lăng; các tỉnh Tây Nam Bộ: Long An có ba lăng, Tiền Giang có tám lăng, Bến Tre có 12 lăng, Vĩnh Long có hai lăng, Trà Vinh có mười lăng, Sóc Trăng có bốn lăng, Cần Thơ có một lăng, Bạc Liêu có hai lăng, Cà Mau có bảy lăng; riêng Kiên Giang có tới 19 lăng, miếu và hai mộ cá Ông trên địa bàn bảy huyện, thị như Châu Thành, An Minh, An Biên, Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Hải, Phú Quốc. Đặc biệt, các lăng, miếu thờ cá Ông còn có mặt trên các hải đảo ở vùng biển Tây Nam gần đất liền cho đến vùng biển xa trong vịnh Thái Lan, phủ trên một không gian biển rộng lớn [Nguyễn Thanh Lợi, 2008: 39-40]⁴. Như vậy, qua con số thống kê này cho thấy, quá trình tiệm tiến của tín ngưỡng này về phương Nam trong lịch sử dân tộc. Cũng như ở Nam Trung Bộ, đây là dạng thức tín ngưỡng quan trọng nhất ở vùng biển Nam Bộ.

1.2. Thờ Đại Càn

Tín ngưỡng thờ *Đại Càn* ở Đồng Tháp Mười (khu vực đồng trũng thuộc địa bàn ba tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp) đến đây đã được biểu hiện với những dạng thức phong phú, sinh động nhất. Trên bước đường Nam tiến, *Tứ vị Thánh Nương* từ vai trò phúc thần biển, theo chân những lưu dân vào khai phá vùng đồng trũng này, gặp những yếu tố sinh thái đặc thù, đã nhanh chóng thích nghi và biến đổi cho phù hợp với địa bàn nơi vùng đất mới. Nghĩa là từ tín ngưỡng của cư dân biển, núp dưới cái vỏ truyền thuyết của Tống Hậu, đã biến thành tín ngưỡng ngư nghiệp của dân khai thác cá đồng. Vừa tiếp thu yếu tố của thần biển do đám di thần nhà Minh mang vào, nhưng yếu tố đồng bằng vẫn chiếm ưu thế, dù cho có sự pha tạp trong các nghi thức cúng tế [Nguyễn Hữu Hiếu, 2004: 111].

Ngược lại, cư dân đánh cá sông ở Bình Định, từ đồng bằng lại vươn ra biển khơi để mở rộng không gian sinh tồn, phải đối phó với sóng gió nên phải tiếp nhận trong hệ thống thần linh Chăm vị thần *Po Riyak* mà Tạ Chí Đại Trường đã cho là Việt hóa thành *Tứ vị Thánh Nương* [Tạ Chí Đại Trường, 2000:181].

Các thôn ven bờ bắc sông Tiền từ Mỹ Long đến các thôn thuộc khu vực biên giới giáp Campuchia, nơi có người Việt và người Minh Hương cư ngụ ngay từ buổi đầu khai phá và có lúc chuyên về ngư nghiệp, đều có thờ *Đại Càn* (ít nhất 48 đình) với lệ cúng “Cầu ngư” [Nguyễn Hữu Hiếu, 2005:142].

Có thể kể đến một số đình tiêu biểu có thờ *Đại Càn* như: Bình Hàng Trung, Mỹ Xương (huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp), Phú Thành (huyện Tam Nông, Đồng Tháp), An Phong (huyện Thanh Bình, Đồng Tháp), Trường Thạnh (xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, Long An)... Điều đó, chứng tỏ tính *mở* trong giao lưu, tiếp biến tín ngưỡng biển giữa Tây Nam Bộ với Nam Bộ thật đa dạng và phong phú.

1.3. Thờ Bà Tím (rùa biển)

Miếu (Miếu) Bà Lớn thờ Bà Tím ở khu phố Hải Hà 2 (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu) là một gian nhà lớn. Phía trước miếu là tượng Quan Âm Nam Hải, bên trái là miếu Cô Hồn. Mộ Bà Lớn được xây cất đài hoành, nằm cạnh khu mộ táng 14

cá Ông lớn nhỏ⁵. Khu mộ chôn cá Ông nay đã dời vào miếu Thần Nông, cũng thuộc quyền quản lý của cụm tín ngưỡng này. Cốt cá Ông cứ ba năm bốc đem vào thờ ở lăng Ông Long Hải⁶. Sau lưng tượng Quan Âm là mộ Bà Lớn có ghi ngày lập mộ 20/4/1974 âm lịch, ngày lập lại 28/4/1992, ngày nâng cấp mộ. Gian bên trái miếu thờ Tiền hiền, Hậu hiền⁷, Tiền vãng, Hậu vãng.

Trong chính điện của miếu gồm một tập hợp các thần linh trên một bàn thờ dài: Cửu phẩm, Ngũ vị Nương Nương, Bà Lớn, Tam Ông (Quan Công, Quan Bình, Châu Xương), Tả ban, Hữu ban, Cửu Thiên Huyền Nữ, Bà Thủy (Thủy Long Thần Nữ), Thần Tài - Thổ Địa. Trong đó, Bà Lớn giữ vị trí trung tâm trong thần điện với bàn thờ ở vị trí chính giữa, bài vị ghi dòng chữ Hán “*Long Cung Thủy Mẫu Nương Nương*” và một tấm biển ghi “*Bà Lớn*”. Các vị thần liên quan đến biển như Bà Thủy, cá Ông chỉ giữ vai trò phối tự cho Bà Lớn (Bà Tím).

Trước đây ở miếu Bà, bên cạnh bàn thờ Ngũ Hành còn có cốt Bà Lớn (rùa da) ở chính điện cùng với mộ táng ở phía trước. Bà Thủy Long, Mẹ Sanh, Mẹ Độ, Quan Âm, Quan Công, Thổ Thần được phối tự chung trong miếu.

Lễ cúng ở miếu Bà Lớn diễn ra vào ngày 19-20/4 âm lịch và có hát bả trạo. Trong lễ cúng ở lăng Ông Long Hải, ngày 22/6 âm lịch, có đưa kiệu từ lăng đến miếu Bà Lớn để rước linh vị của Bà về. Trong lễ hội Nghinh Cô ở Dinh Cô Long Hải có nghi thức rước Thủy thần và nghinh Ông Nam Hải từ lăng Ông, rước Bà Tím từ miếu Bà Lớn⁸.

Lăng Ông Thắng Tam (thành phố Vũng Tàu) có ba bàn thờ, ở chính điện thờ “Thần”, phía sau là ba tủ kiếng lớn đựng cốt cá Ông Nam Hải, bên tả hữu có bàn thờ Bà Sáu (rùa biển) và Tổ nhạc. Ngư dân thường gọi rùa là “Bà Thủy Thánh”, cũng được chôn cất và thỉnh ngọc cốt vào lăng thờ phụng, vì tục truyền bà đã cứu vớt thuyền ngư dân khi lâm nạn giữa biển khơi.

Đây là tín ngưỡng có nguồn gốc từ miền Trung, đặc biệt là ở Bình Thuận, nên có vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của cư dân ven biển huyện Long Điền. Vạn Nam Nghĩa (phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận), ngư dân cũng từng vớt được rùa da chết do dính lưới, đem vào chôn ở vạn, bốc cốt đem thờ chung trong tấm với các bộ cốt cá Ông⁹.

Có thể thấy một “tổ hợp” các cơ sở thờ tự ở thị trấn Long Hải như Dinh Cô, lăng Ông với các thần linh biển như Thủy Long, Lê Thị Hồng Thủy, Ông Nam Hải, Bà Tím gắn chặt vào nhau. Điều này chứng tỏ, sự giao thoa trong tín ngưỡng biển ở hai vùng thật sinh động.

Miếu Bà Chúa Xứ ở ấp Chợ (xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, Trà Vinh) là cơ sở tín ngưỡng thứ hai ở Nam Bộ có thờ Bà Rùa với tên gọi “Bà Ba, Bà Bảy”, có mảnh xương để trong hộp kiếng và một rùa gỗ đặt kế bài vị. Như vậy, tín ngưỡng thờ Bà Rùa ảnh hưởng đến cả khu vực Tây Nam Bộ, tuy khá hiếm hoi, nếu tính luôn cả ở thị trấn Long Hải (Bà Rịa-Vũng Tàu) thì chỉ có hai điểm thờ tự liên quan¹⁰.

1.4. Thờ Cô hồn biển

Trong lễ hội Bà Chúa Xứ Mỹ Long¹¹ khá giống lễ Nghinh Ông Nam Hải trong vùng, có nghi thức trừ tà ma, cầu an cho người đi biển, cầu siêu cho vong linh. Quan Công trừ tà ma trong lễ này có lẽ bắt nguồn từ lễ Cầu ngư ở miền Trung [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 379].

Dinh Cô (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu) thờ cô Lê Thị Hồng Thủy, theo cha từ Phan Rang vào Gia Định buôn bán. Khi thuyền đi ngang vùng biển này thì gặp bão, cô bị rớt xuống biển và xác trôi dạt vào vũng Mù U. Sách *Đại Nam nhất thống chí* khi nói về núi Thùy Vân chép: “*Ngoài đỉnh có ngọn thần Nữ Phong, tục gọi là móm Dinh Cô có gò đá đụn cát. Xưa có người con gái 17, 18 gặp nạn gió táp vào chết dạt ở đấy. Thổ nhân đem chôn và đêm sau người ta mộng thấy nữ nhân ấy từ đó bay đến giúp đỡ cho mọi người. Người ta cho là thần nên lập đền thờ nơi núi, nay vẫn còn*” [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1973:16]. Khu vực này vốn thủy văn không thuận tiện trên con đường mậu dịch của các lái buôn ghe bầu, ghe thuyền hay bị chìm khi đi qua đây “*Đi qua Giáp Nước Vũng Tàu phải ghé*” trong bài *Về Các lái (hát ra)* [Thạch Phương, Ngô Quang Hiển, 1994: 444].

Trong lễ hội Nghinh Cô cũng có hát bả trạo, với nguồn gốc dân cư ở đây đến từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Điều này cho thấy, gốc tích của nhân vật này từ miền Trung và xa hơn là phảng phát tín ngưỡng thờ những nhân vật chết trôi vốn rất phổ biến ở miền Trung hay là tín ngưỡng thờ Cô hồn biển. Ngày nay, trong lễ hội Nghinh Cô không chỉ có ngư dân Bà Rịa-Vũng Tàu tham dự mà còn có cả ngư

dân đến từ Phan Rang (Ninh Thuận), Phan Rí, Phan Thiét (Bình Thuận) cho đến Bến Tre, Gò Công, Trà Vinh, Cà Mau, Rạch Giá... tham dự [Đinh Văn Hạnh, Phan An, 2004: 158-159].

1.5. Thờ Bạch Mã Thái Giám

Theo *Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh*, bộ kinh chữ Phạn của Ấn Độ về cuộc đời của Avalokitesvara (Quan Thế Âm Bồ Tát) có một đoạn kể về tiền kiếp của Bồ Tát Quan Thế Âm lúc đó là con ngựa thần màu trắng có cánh tên là Balaha đã giải cứu hoàng tử Sinhgala, tiền thân Phật Thích Ca khi ngài cùng các thương gia bị nạn trên biển. Dấu vết muộn hơn, thì vị Bồ Tát kia là Avalokitesvara, Quan Âm của Phật giáo Đại thừa, chính là Quan Âm Nam Hải của những người dân qua lại biển Đông cầu cứu tai qua nạn khỏi [Tạ Chí Đại Trường, 2000: 247].

Người Việt không tiếp thu trực tiếp hình thức thờ Bạch Mã từ Ấn Độ mà thông qua sự giao thương bằng đường biển của người Chăm. Một bằng chứng nữa là *Bạch Mã Thái giám* được thờ phổ biến ở các vùng biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do những di dân miền Trung mang vào từ địa bàn cư trú cũ của người Chăm.

Tín ngưỡng này là dấu vết của sự giao lưu văn hóa Việt - Ấn thông qua “cầu nối” văn hóa Chăm, nó phản ánh các hoạt động lịch sử giao thương hàng hải một thời. Tục thờ Bạch Mã Thái Giám đã có từ trước đó, sau này, từ đời vua Gia Long (1824) cho đến vua Khải Định (1924) đã ban một loạt sắc phong cho vị thần này như một sự công nhận mức độ hội nhập sâu rộng vào thần điện Việt. Bạch Mã Thái Giám được thờ tự trải dài ở ven biển và hải đảo, từ Huế vào đến Nam Bộ, trong những cơ sở thờ tự khác nhau (miếu, đình, đền, lẫm, lãng...) hoặc phối tự, điều đó cho thấy sức mạnh của loại hình tín ngưỡng này trong tâm thức dân gian. Sự nhập nhằng về thần hiệu (*Bạch Mã; Thái Giám; Bạch Mã Thái Giám; Thái Giám Bạch Mã*) thể hiện vết mờ về nguồn gốc ban đầu của vị thần biển này. Nghiên cứu về loại hình tín ngưỡng này góp phần vào việc chỉ ra những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ vào khu vực Đông Nam Á.

1.6. Lễ Tống ôn

Hầu hết các lãng, miếu, đình ven biển Nam Bộ đều thực hiện nghi thức liên quan đến tín ngưỡng miền Trung là *Tống ôn* (Tống tàu, Tống

quái, Tống na, Đưa khách...), sau khi kết thúc lễ cúng tại cơ sở tín ngưỡng, như một cách đưa các cô hồn trở lại sông/biển sau mấy ngày về thụ hưởng.

Lễ Tống ôn (Tống phong) diễn ra tại miếu Bà, miếu Thần Hoàng ở xã Vàm Láng (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) vào ngày 9-10 tháng Giêng. Lễ tống ôn đầu năm của người Chăm và cư dân Vàm Láng đều có nghi lễ thả thuyền giấy, trên đó có hình nhân và biểu hiện của 12 con giáp trong năm. Họ đều có chung quan niệm là tống tán xui xẻo của năm cũ, cầu mong an bình trong năm mới.

Một nghi thức giống trong lễ Tống ôn hay Cúng việc lễ ở Nam Bộ, mang màu sắc Đạo giáo là nghi thức cuối cùng trong lễ Cầu ngư ở Đồng Tháp Mười, là nghi thức thả bè. Đó là hình ảnh chiếc ghe kết bằng thân cây chuối, trên có bày bộ tam sanh (thịt heo, trứng, tôm) và một số thức cúng khác như cá lóc nướng trui, muối hột, nước uống... nhằm tống tiễn thần và tổ tiên về quê cũ.

Nghi thức cúng cá Ông ở thị trấn Mỹ Long (huyện Cầu Ngang, Trà Vinh) gồm: lễ Nghinh Ông trên biển, giỗ Tiên chức, Chánh tế, Chánh tế Bà Chúa Xứ, Nghinh ngũ phương, lễ Tống tàu... [Trần Hồng Liên, 2004: 240, 243-244]. Thực ra, đây chính là lễ Tống ôn ở ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ, Thủy Long, cá Ông ở cửa biển này; bàn thờ Ông Nam Hải chỉ nằm ở bên vách, không thuộc trong số ba bàn thờ ở giữa chánh điện. Trong ngày cuối của lễ hội, nghi thức thả tàu ra biển là “thời điểm mạnh” trong toàn bộ diễn trình, chứ không phải đi thỉnh Ông Nam Hải về lăng miếu như thường thấy trong các lễ hội Nghinh Ông ở các địa phương¹².

Như vậy, có thể thấy, trong quá trình Nam tiến, người Việt ở Nam Bộ đã tiếp thu, biến đổi các tín ngưỡng biển của Nam Trung Bộ (cá Ông, Đại Càn, Bà Tím, Cô hồn biển, Bạch Mã Thái Giám, nghi thức Tống ôn) trên vùng đất mới với những điều kiện về sinh thái, dân cư, xã hội mang nét đặc thù. Các loại hình tín ngưỡng đó không phải bê nguyên xi từ các tín ngưỡng cũ ở miền Trung, mà nó đã có những dạng thức phát triển thích ứng với tâm thức của những cư dân đi chinh phục vùng đất mới.

2. Đặc tính mở trong giao lưu tín ngưỡng biển giữa các tộc người ở Nam Bộ

* *Tín ngưỡng biển ở Nam Bộ chịu ảnh hưởng rất rõ rệt từ các loại hình tín ngưỡng biển của người Chăm ở Nam Trung Bộ.*

Chúa Động Nương Nương (Bô Bô Đại vương), một nữ thần Chăm bảo hộ cho nghề làm rừng, gốc ở Trung Bộ, từ Bình Thuận theo đường biển đến Bà Rịa-Vũng Tàu, cho nên các vùng ven biển như ở xã Lộc An (huyện Đất Đỏ), Bà Rịa, Cần Giờ... đều có miếu thờ, ngày vía là 15/3 âm lịch. Vị thần này được thỉnh nhắc trong văn tế ở Dinh Cô (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, Bà Rịa-Vũng Tàu). Bà Bô Bô được thờ nhiều ở Huế, Quảng Nam (có tổ chức lễ hội Bà Bô Bô trên sông Thu Bồn)... thực chất cũng là “hóa thân” của Thiên Y Ana [Đinh Văn Hạnh, 2001: 140].

Theo Sơn Nam, tục thờ này đã ghi trong *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Bình Thuận), vùng biển Trà Vinh nay có địa danh “Ba Động”, chứng tỏ dân đi khẩn hoang đợt đầu đến vùng biển này là từ Bình Thuận vào và mang theo tập tục này. *Cổ Hỷ Tiên Phi* thường hóa phép cưỡi rồng bay dọc theo vùng duyên hải để hộ độ cho người đi biển. Thần gốc vùng cao, trên núi và động cát nên gọi là “Thượng Động” để phân biệt với “Hạ Động Thủy Long Thần Nữ” [Trần Dũng, Đặng Tấn Đức, 2012: 387-388].

Miếu bà Thượng Động Cổ Hỷ Thủy Long ở ấp Cảng (thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, Sóc Trăng) nằm trong khuôn viên lăng Ông Trần Đề, cạnh miếu bà Thủy Long. Bài vị ghi “萬班仙娘” (*Vạn Ban Tiên Nương*), chú dòng chữ quốc ngữ là “Bà Chúa Vạn Ban”. Cả hai bà đều cúng ngày 25/2 âm lịch, có múa bóng rối, lễ Tống tàu. Cấu trúc thờ tự này càng cho thấy ảnh hưởng của tín ngưỡng biển ở Nam Trung Bộ vào vùng đất Sóc Trăng với các thần linh có xuất xứ từ bản quán¹³. Lễ cúng Bà Chúa Động (Cổ Hỷ) ở đây cúng cho Bà Thủy một con heo trắng, sau đó múa mâm vàng, múa bông (múa bóng rối) [Lâm Nhân, Trần Văn Út (đồng chủ biên), 2016: 701].

Miếu Bà Thảng Tam (thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu) thờ hai vị hộ quốc được vua phong thượng đẳng thần là Thiên Y Ana và Thủy Long Thần nữ, là cơ sở thờ tự của những người sống bằng nghề

chài lưới trên biển (cùng với làng Ông Thắng Tam). Thiên Y Ana được phong ba đạo sắc vào các ngày 27/11/1845, 26/12/1845, 8/11/1850, với mỹ tự *Hồng Nhuệ Phổ Tế Linh Cảm Thiên Y Ana Diễn Ngọc Phi*. Các đình Thắng Nhì, Thắng Nhất cũng đều có thờ Thiên Y Ana nhưng không có sắc phong riêng.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi chép về lệ thờ Bà ở địa phương: đàn Kỳ Phong ở xã Phước Tỉnh dựng từ đời Gia Long, thờ các vị thần, trong đó có Điện Mẫu, Long Nữ, Diễn Bà¹⁴, hằng năm tế vào đầu mùa xuân và mùa thu [Quốc sử quán triều Nguyễn, 1992: 75].

Làng Ông Phước Hải (thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu) thờ Ngung Man Nương, tức nàng Ngung Man, vị thần mà người Việt xem như là “tiền chủ” những mảnh đất mới khi họ đặt chân đến khai hoang. Đây vốn là nữ thần Uma, là hình ảnh Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm từng bước “phân thân” thành nhiều Mẫu và con của Mẫu, về sau được tiếp nhận trong tín ngưỡng của người Việt.

Miếu Bà Hậu Thổ ở thị trấn Phước Hải (huyện Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu) chính là thờ vị nữ thần gốc Chăm này với bài vị ghi “后土娘娘” (*Hậu Thổ Nương Nương*). Trên chánh điện, ở giữa là tượng năm bà Ngũ Hành, Cửu Thiên Huyền Nữ, Bà Chúa Xứ; hai bên tòng tự Quan Âm và Địa Mẫu. Hai gian ngoài thờ Quan Âm và Quan Đế. Bàn thờ trước chánh điện thờ Bác Hồ. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của bà Hậu Thổ, xếp ở vị trí quan trọng hơn cả Quan Âm và Địa Mẫu theo thứ bậc thông thường trong các miếu thờ nữ thần ở Nam Bộ và sự giao lưu với cả văn hóa Hoa qua trường hợp thờ Quan Đế (làng Ông Phước Hải cũng nhập Quan Đế vào trong dãy các bàn thờ ở chánh điện)¹⁵.

Lễ vía Bà ở miếu Vạn Ban Ngũ Hành (41 Cao Văn Lầu, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu) vào ngày 23/3 âm lịch, rước Bà Thủy từ miếu ra biển, dù là cúng năm Bà Ngũ Hành (trong đó có Thiên Hậu), nhưng vì đây là vùng sông biển, nên Bà Thủy có vị trí quan trọng nhất. Ở ngôi miếu này còn có một miếu thờ cá Ông ngoài sân [Trương Thu Trang, 2019: 132-133].

Một điểm đáng chú ý, tuy gọi là Dinh Cậu nhưng bài vị ở chánh điện lại ghi là *Chúa Tiên Nương Nương*, điều đó càng cho thấy sự thâm nhập mạnh mẽ của tín ngưỡng Thiên Y Ana vào vùng đất phía

Nam qua hình thức mới là tín ngưỡng Bà Cậu. Hay như bà Thủy ở vùng U Minh (Kiên Giang) là một dị bản của Thiên Y Ana, dù rằng trong miếu thờ bài vị là *Chúa Ngọc Nương Nương* và người dân vẫn gọi đó là *bà Thủy*. Do ảnh hưởng của tín ngưỡng cư dân miền biển nên tục thờ Bà - Cậu được chồng lớp lên tục thờ bà Thủy. Người dân đến đây cúng vẫn khấn Bà - Cậu mỗi khi tế lễ. Bởi vì đối với người bình dân thì họ không phân biệt quyền năng của các vị thần [Nguyễn Thị Diệp Mai, 2011: 177-178].

Tục thờ Thiên Y Ana được người Việt đưa từ miền Trung vào miền Nam. Nếu dạng tín ngưỡng này đưa từ Nha Trang trực tiếp vào miền Nam thì gọi là *Chúa Ngọc Nương Nương*. Còn đưa từ Nha Trang ra Huế rồi trở vào Nam thì gọi là *Chúa Tiên Nương Nương*. Tuy nhiên cũng có nơi gọi là *Chúa Tiên - Chúa Ngọc Nương Nương* [Võ Thanh Bằng, 2008: 77].

Tín ngưỡng dân gian vùng biển Nam Bộ chịu ảnh hưởng khá nhiều từ tín ngưỡng dân gian vùng biển Nam Trung Bộ. Nổi bật nhất là tiếp thu tín ngưỡng Po Nagar của người Chăm để “hóa thân” thành Ngung Man Nương, Hậu Thổ, Chúa Tiên, Bà Cậu... Ví dụ tiêu biểu, có “địa chỉ” cụ thể là tín ngưỡng thờ Cố Hỷ ở Bình Thuận đã dịch chuyển vào vùng biển Ba Động của Trà Vinh để hình thành lâu Bà Cố Hỷ cùng với lễ hội vẫn duy trì cho đến tận hôm nay. Một điểm đáng chú ý nữa là các tín ngưỡng ở miền Trung đã tạo thành các “bản sao”, biến đổi ít nhiều so với yếu tố gốc, như trường hợp Bà Po Nagar thành Bà Cậu ở vùng biển và sông nước Nam Bộ.

Tục thờ cá Ông có nguồn gốc từ tín ngưỡng của người Chăm ở Nam Trung Bộ, khi vào đến Nam Bộ cũng được người Khmer, người Hoa tiếp thu ở mức độ nhất định.

Hai ngôi chùa Khmer là Sala Pothi (ấp Cà Lăng B, phường 2) và chùa Đại Bái (ấp Đại Bái, xã Lạc Hòa) của thị xã Vĩnh Châu (Sóc Trăng) đều có mộ cá Ông trong khuôn viên chùa, do người Khmer làm nghề đánh cá ở địa phương phát hiện, xin gửi vào trong chùa, trở thành điểm chiêm bái của mọi người¹⁶. Chùa mới (Khmer) ở ấp Giồng Chùa (thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, Sóc Trăng) hiện có bộ xương cá voi cái, đặt tên là “Neang Tranh Tì”, được đặt trang trọng trong sala của chùa từ năm 2022.



Mộ cá Ông ở chùa Khmer Sala Pothi ở ấp Cà Lăng B, phường 2, thị xã Vĩnh Châu. (ảnh Nguyễn Thanh Lợi, 2023)

Người Khmer trong lễ hội Phước biển (Chrôi rumchek) tổ chức vào ngày 14-15/2 âm lịch, dù mang tính chất cầu an nhưng vẫn cúng tiền, đốt nhang ở mộ cá Ông trong chùa Đại Bái¹⁷, thể hiện sự giao lưu văn hóa Việt - Khmer qua tập tục này ngay cả trong niềm tin, dù là ở dạng bất chúor “sơ lược” [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 416-417].

Phước Hải cổ miếu (còn gọi là “miếu Cá Ông”) ở thành phố Bạc Liêu là trường hợp điển hình cho sự giao lưu văn hóa Hoa – Việt trong tín ngưỡng này, trường hợp duy nhất ở Nam Bộ. Người Hoa vốn không thờ cá Ông, nhưng ở đây lại có một ngôi miếu lớn (thực ra là lăng Ông), để thờ cúng vị thần của người Việt (cá Ông), Quan Công và sau này là Quan Âm. Trong sân còn có miếu Ông Tà, chịu ảnh hưởng từ văn hóa Khmer. Điều đó chứng tỏ sự hòa hợp về văn hóa khi người Hoa đến tụ cư nơi đây, sống đan xen với các tộc người khác ở đây đất ven biển này¹⁸.



Phước Hải cổ miếu ở thành phố Bạc Liêu (ảnh Nguyễn Thanh Lợi, 2023)

Người Khmer và người Hoa ở Nam Bộ đã gián tiếp tiếp thu tín ngưỡng thờ cá Ông của người Chăm ở Nam Trung Bộ thông qua tín ngưỡng thờ cá Ông của người Việt ở Nam Bộ. Người Khmer, cụ thể là ở Sóc Trăng, do cộng cư với người Việt ở vùng biển này và đã tìm thấy ý nghĩa nhân văn trong việc thờ phụng vật linh của người Việt có nét gần gũi với việc tạo ra phước đức khi ứng xử với động vật trong triết lý của nhà Phật, nên đã có cách thức thờ cúng cá Ông nhất định. Một bộ phận người Khmer cũng làm nghề đánh cá biển. Việc thực hành tín ngưỡng thờ cá Ông của họ cũng đơn giản, chỉ là hình thức mộ táng qua việc đắp nắm mồ hoặc trưng trong tủ kính để ở sala, làm lễ cầu siêu, mà không có các nghi lễ như ở người Việt.

Còn với người Hoa ở Bạc Liêu (trường hợp duy nhất ở Nam Bộ), cá Ông được thờ trong miếu của người Hoa với các bộ cốt cá Ông, nhưng hệ thống thần điện vẫn là của người Hoa, không tổ chức lễ hội Nghinh Ông. Tức Ông Nam Hải đã tham gia đã tham gia vào hệ thống thần linh, giữ vai trò “thần chủ” trong ngôi miếu Hoa. Và điều này cũng xuất phát từ sự giao thoa tín ngưỡng giữa các tộc người có cùng địa vực nhưng khác với những địa phương cũng có sự cộng cư này, bởi độ “mở” của nó. Đây là hiện tượng tiếp biến văn hóa cần được tiếp tục đào sâu nghiên cứu.

** Những ảnh hưởng loại hình tín ngưỡng biển của người Hoa ở Nam Bộ.*

Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (Á Bà, bà Mã Châu...) giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng cư dân người Hoa, và cả người Việt ở vùng biển đảo của Nam Bộ. Các đảo ở vùng biển Tây Nam Bộ, đặc biệt là các đảo lớn đều có tín ngưỡng thờ bà Mã Châu, những nơi từng có người Hoa cư trú, buôn bán, nên người Việt chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng này [Phan Thị Yên Tuyết, 2014: 407, 409]¹⁹.

Làng Lưới Rê xưa của thị trấn Phước Hải (huyện Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu) có ngôi miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu, do những người đi biển, thương nhân Hoa kiều tạo dựng nên vào năm 1930. Thiên Hậu Thánh Mẫu được thờ ở chánh điện, phối tự còn có hai bà hầu của Thiên Hậu, Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Phật Bà Quan Âm. Dân địa phương gọi là thờ 10 ban [Đình Văn Hạnh, Phan An, 2004: 175-176]²⁰.

Miếu Thiên Hậu ở thị trấn Cần Thạnh (huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh), vào ngày cúng Bà (23/3 âm lịch), người Việt dùng vật phẩm chay, nhạc lễ và trang phục Việt; trong khi đó người Hoa cúng mặn, trang phục và văn tế đọc bằng tiếng Hoa. Trong tâm thức người Việt, bà Thiên Hậu mang dáng dấp của một Phật bà nhiều hơn một mẫu thần của Đạo giáo [Phạm Lan Oanh, 2021: 169]. Ngôi miếu này cũng là địa điểm chôn cá Ông trôi dạt vào Cần Thạnh (ba năm thì bốc cốt đem vào lăng Ông Thủy Tướng), hiện còn táng ba cá Ông²¹.

Trong bốn ngôi lăng thờ cá Ông nằm liên tiếp dọc theo bãi biển của bốn ấp thuộc xã Tân Thành (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang), chỉ duy nhất có lăng Ông Cầu Muống (ấp Cầu Muống) là có một ngôi thờ Thiên Hậu, cúng ngày 12/2, do ông Lương Văn Mặn (sinh năm 1910, chánh vạn), là người Hoa duy nhất đến lập nghiệp ở ấp này lập ra. Ông biết chữ Hán, phụ trách nghi lễ ở lăng này. Là người buôn gỗ (đi cây), đóng đồ mộc, ông có ngôi nhà chữ đình to nhất trong làng và cũng tham gia làm việc ở làng, cộng đồng người Hoa ở thị xã Gò Công đều biết tiếng ông²².

Miếu Bà Thiên Hậu ở ấp Thừa Thiên (xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, Bến Tre) do người Việt thờ phụng, không hề có người Hoa ở đây [Nguyễn Phương Thảo, 1997: 187]. Miếu Bà Thiên Hậu ở Tiệm Tôm (xã An Thủy, huyện Ba Tri, Bến Tre) khá lớn và lâu đời. Đây là cơ sở tín ngưỡng thờ mẫu chính của ngư dân trong vùng, nhiều ghe về tham dự trong lễ hội, “một điển hình về giao thoa văn hóa Việt-Hoa” [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 408; Dương Hoàng Lộc, 2018: 125].

Cách đây 70-80 năm, miếu Bà Tiệm Tôm tổ chức lễ vía Bà Thiên Hậu vào ngày 23/3 âm lịch, sau chuyển sang 16-18/6 âm lịch (ngoài cửa sông Hàm Luông hay có mưa giông lớn nên ngư dân ra khơi đánh bắt cường độ ít hơn). Nguyên nhân do tháng ba âm lịch là lúc ngư dân thu hoạch sản lượng tôm cá nhiều nhất trong năm, nhiều chủ đáy, ngư phủ có thái độ lơ là, trễ nải việc cúng tế lần tham gia đóng góp. Hầu hết ngư dân phải túc trực ngoài hàng đáy, không tham dự lễ [Dương Hoàng Lộc, 2018: 167]²³.

Miếu Thiên Hậu ở Kinh Ba (huyện Trần Đề, Sóc Trăng) của người Hoa nằm cạnh lăng Ông Nam Hải. Do Bà Thiên Hậu cũng là vị nữ

thần biển, người Việt cũng sùng kính Bà, nên lễ hội Nghinh Ông những người tham dự cũng đến cúng viếng Bà để mong sự phù hộ độ trì. Điều đó làm tăng thêm sức mạnh niềm tin về cuộc sống mưu sinh trên biển và thể hiện sắc thái văn hóa riêng biệt trong lễ hội này [Nhiều tác giả, 2012: 846].

Lăng Ông Hiệp Thành (còn gọi là miếu Hải An, khu phố Chòm Xoài, phường Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu) của người Hoa có bàn thờ Thiên Hậu trong lăng và lăng Ông Gành Hào (huyện Đông Hải) của người Việt có miếu Thiên Hậu nằm cạnh lăng trong một quần thể tín ngưỡng thờ rất nhiều đối tượng thần linh, không chỉ liên quan đến biển²⁴.

Việc thực hành tín ngưỡng trong các ngôi miếu thờ Thiên Hậu của người Việt ở ven biển Nam Bộ cho thấy việc tiếp thu một cách mạnh mẽ từ một tín ngưỡng du nhập, thông qua cộng đồng người Hoa nhập cư vào vùng đất này. Một số cơ sở thờ tự ban đầu của người Hoa, rồi sau này được người Việt tiếp nhận, được phối thờ, tích hợp thêm nhiều đối tượng thần linh phù hợp với tín ngưỡng của người Việt (Bà Chúa Xứ, Bà Ngũ Hành, Phật Bà Quan Âm...). Hoặc có trường hợp chỉ thờ Thiên Hậu trong lăng Ông Nam Hải. Do Thiên Hậu và cá Ông đều là những thần biển, mang tính chất bảo hộ về nghề nghiệp (buôn bán, đánh bắt) và sự tương đồng văn hóa, nên tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa dễ hội nhập vào trong tín ngưỡng biển của người Việt Nam Bộ, mà tiêu biểu là vào lăng thờ cá Ông.

Độ “mở” trong giao lưu tín ngưỡng biển giữa người Việt, Hoa, Khmer ở Nam Bộ diễn ra rất rõ nét. Người Việt tiếp thu tín ngưỡng Po Nagar của người Chăm để thành biến thành Ngung Man Nương, Hậu Thổ, Chúa Tiên. Người Việt đồng thời còn tiếp thu tín ngưỡng thờ Thiên Hậu của người Hoa nhưng cách thức thực hành tín ngưỡng mang màu sắc văn hóa biển của người Việt, ngay trong lăng thờ cá Ông vẫn có gian thờ Thiên Hậu riêng. Cả người Khmer và người Hoa đều tiếp thu tục thờ cá Ông của người Việt, và thờ phụng theo cách của mình (người Khmer thờ trong chùa; người Hoa thờ trong miếu, tích hợp với các thần linh của người Hoa). Mỗi giao lưu tín ngưỡng biển giữa các tộc người này đã làm phong phú nên bức tranh sinh hoạt tín ngưỡng biển ở Nam Bộ, điều mà Bắc Bộ và Trung Bộ không có.

3. Đặc tính mở trong sự hòa quyện giữa tín ngưỡng biển và tôn giáo ở Nam Bộ

Một đặc điểm dễ nhận thấy trong tín ngưỡng biển ở Nam Bộ là sự hòa quyện, đan xen nhau trong nhận thức và thực hành tín ngưỡng về đối tượng thần linh, đặc biệt là trường hợp Quan Âm, khó có ranh giới rạch ròi giữa tín ngưỡng và tôn giáo (trường hợp Phật giáo).

Ở Nam Bộ, Quan Âm được xem có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn, nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên Quan Âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

Quan Âm ở huyện Cần Giờ cũng như ở Nam Bộ đã biến thành một “nữ thần biển”, có tính chất phù hộ cho cư dân biển hơn là một vị bồ tát trong Phật giáo. Quan Âm ít bước vào thần điện tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian ở huyện Cần Giờ và cũng chỉ mới gần đây, so với ở Bà Rịa-Vũng Tàu. Điều này phải chăng do người dân ít đối mặt trực tiếp với biển cả hơn (15/156km) và ở Cần Giờ, tín ngưỡng dân gian chiếm ưu thế hơn so với tôn giáo?

Trong sách *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Lê Quang Nghiêm có thuật lại: “*Ngư dân ven bờ biển Bình Thuận lại có 12 câu nguyện gọi là Thập nhị đại nguyên. Tương truyền là của đức Quan Thế Âm truyền lại cho họ để cầu lên kêu cứu với Nam Hải đại vương trước mọi tai nạn*” [Lê Quang Nghiêm, 1970: 26]. Bà Rịa-Vũng Tàu là tỉnh giáp ranh với Bình Thuận, nên ảnh hưởng của tín ngưỡng này là điều dễ hiểu. Qua đây, chúng ta cũng thấy được ảnh hưởng của Phật giáo đối với tín ngưỡng dân gian ở vùng đất này thông qua tập tục thờ nữ thần.

Lăng Ông Thắng Tam (số 77A, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu) vẫn còn lưu giữ bức tranh mô tả Phật Quan Âm tuần du đại hải, ban phép thả đường để cá Ông cứu người bị nạn trên biển (truyền thuyết dân gian ở ven biển miền Trung về nguồn gốc cá voi) [Huỳnh Minh, 1969: 59].

Trên các ghe đánh bắt ở vùng biển Nam Bộ đều có tranh thờ hoặc thờ Quan Âm (thờ vọng) trên ghe. Hoặc có thể vừa thờ Quan Âm vừa

thờ Thủy Long, nhưng khi ghe gặp sóng gió nguy hiểm thì khẩn vái cả Ông Nam Hải, Bà Cậu²⁵.

Lăng Ông Nam Hải (ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, Sóc Trăng), ngoài lễ Nghinh Ông tổ chức vào ngày 21-23/3 âm lịch, còn cúng Bà Quan Âm Nam Hải vào ngày 19/10 âm lịch [Lâm Nhân, Trần Văn Út (đồng chủ biên), 2016: 733]. Tượng Quan Âm to lớn trong lăng mới xây hơn 10 năm nay, nhìn ra sông Trần Đề²⁶.

Lễ hội Quán Thế Âm vía Phật Bà Nam Hải diễn ra từ 22-24/3 âm lịch hằng năm tại khu tưởng niệm Quán Âm Phật đài Mẹ Nam Hải (phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu). Đây là một trong bốn lễ hội của tỉnh Bạc Liêu được Nhà nước công nhận vào năm 2008. Tín ngưỡng này nhằm cầu mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, thu hút hàng vạn khách thập phương trong và ngoài tỉnh [Phạm Lan Oanh, 2021: 173, 174, 176].

Truyền thuyết kể rằng, khu Quán Âm Phật đài trước đây là ngôi miếu nhỏ do người đi biển lập để thờ Công chúa Thủy Tề (Bà Thủy Long, Long Nữ, Thủy Long Thần nữ - vị thần cai quản sông nước). Khi tượng Quán Thế Âm Bồ Tát được lập nên, do phối tự nên dân gian đồng nhất Công chúa Thủy Tề với tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và gọi là Phật Bà Quán Âm Nam Hải [Trương Thu Trang, 2019: 78-79].

Quán Âm Nam Hải hòa nhập vào tín ngưỡng dân gian, trở thành Mẫu và nữ thần biển phù hộ cho ngư dân. Nhiều sự tích về hóa thân của Bồ Tát thành cá Ông, thần Nam Hải lưu hành ở địa phương, trong lăng Ông Nam Hải ở Gành Hào, tượng Quán Âm Nam Hải đặt trong thuyền Bát Nhã, mặt hướng ra biển, cũng như có nhiều tượng Quan Âm trong khu lăng Ông này [Trương Thu Trang, 2019: 86-87]²⁷.

Người dân trên hòn Sơn (xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, Kiên Giang) thờ tượng Phật Bà Quan Âm trên một chiếc tàu đúc bằng xi măng, mặt hướng ra biển với chức năng cứu khổ cứu nạn của vị thần linh Phật giáo này. Đó là cách thức “dân gian hóa” hình ảnh Phật Bà của cư dân nơi miền biển đảo [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 406].

Như vậy, truyền thuyết về cá Ông cứu người liên quan đến Phật Bà Quan Âm, việc thờ tượng Quan Âm trong các cơ sở tín ngưỡng, lễ hội

Quan Âm Nam Hải ở Bạc Liêu đã phản ánh một tâm thức của cư dân vùng biển Nam Bộ, xem vị bồ tát này như một “nữ thần biển” bởi tính chất gần gũi (“bình dân hóa”), hành trạng hướng biển của Bà, sự che chở trước những nguy nan trên biển cả, như một vị phúc thần.

Trước đây, vai trò của các nhà sư trong lễ Nghinh Ông ở Vàm Láng rất quan trọng: *“Cuộc lễ khởi sự vào lúc 11 giờ đêm tại đình Vàm Láng²⁸. Các sư sãi chuông mõ tụng kinh trước một cái giàn cao rộng, trên gian trung hoa quả đồ mã như giàn cúng cô hồn, lối một tiếng đồng hồ, lễ tất, người ta đem đốt bỏ đồ mã và phát bánh trái cho trẻ em trong làng. Tới một giờ sáng bắt đầu lễ Nghinh Ông”* [Huỳnh Minh, 1969: 155]. Năm 1970, vào đêm trước ngày Nghinh Ông ở Vàm Láng có làm chay với giàn thí. Giàn cao 3m, có khoảng 20 cỗ bánh do ngư dân làm, ngoài ra còn có giấy vàng bạc, trái cây... và một hình ông Tiêu Diện lực sĩ bằng giấy. Cuộc đồ giàn bắt đầu từ lúc 12 giờ đêm, khi vị sư vừa cúng xong [Lan, 1970: 113]. Lễ hội Nghinh Ông ở thị trấn Vàm Láng, 18g ngày 9/3 âm lịch, lễ Cầu an diễn ra tại chánh điện lăng Ông do Hòa thượng Thích Bửu Hòa ở chùa Phước Hòa tại thị trấn với sự có mặt của ông Hội trưởng lăng. Khoảng 20 phút sau là “lễ Ra giàn thí” (Trai đàn chuẩn tể, Trai đàn thí thực)²⁹ diễn ra tại khu phố văn hóa khu phố Lăng 2 và kéo dài đến 20g30. Tham gia lễ này có tám nhà sư đến từ các chùa ở các địa phương, do Hòa thượng Thích Bửu Hòa chịu trách nhiệm chính. Có sáu “núi bánh” được đặt trên giàn cúng, thức cúng gồm gạo, muối, cháo trắng, chè, hai con vịt luộc. Bức tranh Tiêu Diện Đại Sĩ có cái lưỡi đỏ dài thò ra dựng ở cuối giàn thí. Một chiếc chiếu cúng ở gần giàn thí đặt các khúc mía đã gọt vỏ, ổi, khoai lang và một bát nhang³⁰.

Một đặc điểm nữa cho thấy, sự ảnh hưởng của Đạo giáo dù chỉ ở khu vực của một địa phương (huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) trong lễ cúng cá Ông, nhưng tư liệu cho ta hiểu được mối quan hệ giữa tôn giáo này với tín ngưỡng dân gian thông qua vai trò của pháp sư hay nhà sư, những “mảnh vụn” còn sót lại của Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian.

Có thể thấy, sự hòa quyện, đan xen nhau trong sinh hoạt tín ngưỡng dân gian và tôn giáo (Phật giáo, Đạo giáo) ở vùng biển Nam Bộ cho

thấy dòng chảy, ảnh hưởng của các tôn giáo này đối với tín ngưỡng dân gian. Một số nghi thức được vay mượn (cầu an, Tổng ôn) để “gia tăng sức mạnh”, mang tính triết lý trong quan niệm giao kết giữa người sống và người chết, giữa người phàm và thần linh, nhưng trong đó những quan niệm thuần phác của dân gian vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Kết luận

Tín ngưỡng dân gian vùng biển Nam Bộ có một “độ mở” lớn qua quá trình tiếp xúc, giao lưu, biến đổi với nhiều dạng thức tín ngưỡng biển ở Nam Trung Bộ, của các tộc người (Việt, Chăm, Hoa, Khmer), của các tôn giáo (Phật giáo, Đạo giáo) và biểu hiện một cách sinh động qua thực hành tín ngưỡng. Đây là quá trình “bản địa hóa” mạnh mẽ, với những biến cải cho phù hợp với tâm thức cư dân của khu vực, tạo ra các phức hợp (complex) nhiều màu sắc về tín ngưỡng, đặc biệt là thờ nữ thần. Sự bổ sung một cách hài hòa này đã làm nên một bản sắc độc đáo trong đời sống tín ngưỡng biển ở vùng đất phương Nam.

Nghiên cứu này góp phần làm rõ sự giao lưu, tiếp biến văn hóa tín ngưỡng biển từ Nam Trung Bộ vào Nam Bộ, trong đó có cả tiếp thu gián tiếp từ văn hóa Chăm (người Khmer, người Hoa tiếp thu tục thờ cá Ông của người Việt; người Việt tiếp thu tín ngưỡng Thiên Hậu của người Hoa Nam Bộ). Sự hòa trộn giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, nổi bật là trường hợp Quan Âm. Việc cộng cư của ba tộc người Việt - Khmer - Hoa ở cùng một khu vực sinh thái dễ cho ra những nét tương đồng và dị biệt về văn hóa tín ngưỡng thông qua sự giao lưu./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả trong các năm 2016, 2022, 2023, 2024.
- 2 Đúng ra là Bà Cậu, vị thần sông nước khá phổ biến ở Nam Bộ.
- 3 Vùng đất Nam Bộ.
- 4 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả trong các năm 2016, 2022, 2023, 2024.
- 5 Tư liệu thực địa của tác giả, 2026.
- 6 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 30/9/2023.
- 7 Gian thờ Tiền hiền, Hậu hiền được đưa vào bên trong chánh điện khi sửa chữa miếu Bà năm 2019-2020, theo tư liệu thực địa của tác giả, ngày 30/9/2023.

- 8 Tư liệu thực địa của tác giả năm 2016 và ngày 30/9/2023.
- 9 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 6/8/2023.
- 10 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 1/9/2023.
- 11 Lễ hội Cúng biển Mỹ Long (Trà Vinh) được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia năm 2013.
- 12 Tư liệu thực địa của tác giả, 2023.
- 13 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 2/9/2023.
- 14 Thiên Y Ana
- 15 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 4/8/2023.
- 16 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 5/9/2023.
- 17 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 9/3/2023.
- 18 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 9/3/2023.
- 19 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả, tháng 1/2023.
- 20 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả, ngày 6/7/2022.
- 21 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 5/7/2022.
- 22 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 29/5/2022 và 15/2/2023.
- 23 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả, ngày 9/3/2023.
- 24 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 9/3 và 3/9/2023.
- 25 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 29/5/2022.
- 26 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 2/9/2023.
- 27 Bổ sung với tư liệu thực địa của tác giả, ngày 9/3/2023.
- 28 Đứng ra là lăng Ông Vàm Láng.
- 29 Một số địa phương khác gọi lễ “Ra giàn thí” này là “xô giàn” như ở Nam Trung Bộ hay “cổ đựng” ở Phú Quốc (Kiên Giang). Lễ hội Làm chay ở thị trấn Tầm Vu (huyện Châu Thành, Long An) là lễ hội lớn nhất nước với nghi thức này.
- 30 Tư liệu thực địa của tác giả, ngày 28/4/2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thanh Bằng (cb, 2008), *Tín ngưỡng dân gian ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Dũng, Đặng Tấn Đức (2012), *Diện mạo văn hóa tín ngưỡng và lễ hội dân gian Trà Vinh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Đinh Văn Hạnh, Phan An (2004), *Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa – Vũng Tàu*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Hữu Hiếu (2004), *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Hữu Hiếu (2005), “Đình làng ở Đồng Tháp và tín ngưỡng thần Thành Hoàng”, trong cuốn *Văn hóa dân gian Đồng Tháp*, Tập 1, Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp.
6. Lan (1970), “Lễ Nghinh Ông ở Vàm Láng (Gò Công)”, *Phổ thông*, số 251.

7. Trần Hồng Liên (cb, 2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Dương Hoàng Lộc (2018), *Tín ngưỡng của cộng đồng ngư dân ven biển đồng bằng sông Cửu Long: nghiên cứu trường hợp xã An Thủy và thị trấn Sông Đốc*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thanh Lợi (2001), *Giao lưu văn hóa Việt- Chăm nhìn từ tục thờ cá Ông*, Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ* (Thừa Thiên- Huế), số 3
10. Nguyễn Thanh Lợi (2008), *Tục thờ cá Ông ở ven biển Tây Nam Bộ*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9.
11. Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Tín ngưỡng thờ thủy thần ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Diệp Mai (2011), *Sắc thái văn hóa sông nước vùng U Minh*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
13. Huỳnh Minh (1969), *Gò Công xưa và nay*, Cánh Bàng xb, Sài Gòn.
14. Lê Quang Nghiêm (1970), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Tác giả xb, Sài Gòn.
15. Lâm Nhân, Trần Văn Út (đồng chủ biên, 2016), *Văn hóa phi vật thể các dân tộc tỉnh Sóc Trăng*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Nhiều tác giả (2012), *Địa chí Sóc Trăng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Phạm Lan Oanh (cb, 2021), *Văn hóa dân gian biển đảo vùng Nam Bộ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
18. Thạch Phương, Ngô Quang Hiên (1994), sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu), *Ca dao Nam Trung Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Quốc sử quán triều Nguyễn (1973), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập thượng, Nguyễn tạo dịch, Nhà Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xb, Sài Gòn.
20. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Phạm Trọng Diễm dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
21. Trương Thu Trang (2019), *Tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ nữ thần trong cộng đồng người Hoa ở Bạc Liêu*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
22. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Tạ Chí Đại Trùng (2000), *Thần, người và đất Việt*, Bản mới, Nxb. Văn học, California, USA.
24. Tạ Chí Đại Trùng (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb. Văn nghệ, California, USA.
25. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

**THE “OPEN” CHARACTERISTICS IN THE MARITIME
BELIEFS OF THE SOUTHERN PEOPLE**

Nguyen Thanh Loi

The National College of Education Ho Chi Minh City

During the 300-year history of the development of the Southern region, many types of maritime beliefs have followed the communities of residents migrating from the South Central region. Through the process of exchange and acculturation with the cultural beliefs of neighboring ethnic groups, the cultural characteristics of the Southern region have gradually formed. Based on the study of maritime beliefs originating from the South Central region, the article focuses on clarifying the “open” characteristics of the Southern belief culture which are expressed in three aspects such as the exchange of maritime beliefs between the South Central region and the South, the exchange of maritime beliefs among the ethnic groups in the South, the integration of maritime beliefs and religion in the South.

Keywords: Folk beliefs, maritime beliefs, open characteristics, cultural acculturation, Southern Vietnam.